

Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học của học sinh trong dạy học Chủ đề “Trái đất và bầu trời” môn Tự nhiên và xã hội lớp 2

Nguyễn Bảo Hoàng Thanh^{1*}, Nguyễn Thị Thanh²

^{1*}Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng (Tác giả liên hệ);

²Trường Tiểu học Trần Văn Dư - Đà Nẵng

Received: 12/6/2024; Accepted: 24/6/2024; Published: 16/7/2024

Abstract: The general education program in Nature and Society aims to form and develop scientific capacity for students. In order to acquire this ability, under the guidance of teachers, students are able to form competencies from the ability to understand the natural environment and the surrounding society to the ability to apply the knowledge and skills they have learned. In order to help students develop the ability to apply the knowledge and skills they have learned and towards improving the quality of teaching subjects, the article has proposed a process to organize students to apply the knowledge and skills they have learned in teaching the topic “Earth and Sky” in Nature and Society in grade 2; At the same time, the article has also selected and designed a set of exercises to develop this ability for students after the lesson. Expand research on measures to develop the capacity to apply learned knowledge and skills in teaching other subjects or educational activities outside the classroom.

Keywords: Developing, application, teaching, knowledge and skills, topic “Earth and Sky”

1. Đặt vấn đề

Vị trí và vai trò quan trọng của môn Tự nhiên xã hội (TNXH) trong việc góp phần hình thành các năng lực (NL) và phẩm chất cho học sinh lại một lần nữa được khẳng định lại rằng: “Môn TNXH được xây dựng và phát triển trên nền tảng tích hợp những kiến thức về thế giới tự nhiên và xã hội. Môn học trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản ban đầu về con người, về các sự vật, hiện tượng, về các mối quan hệ trong thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh cũng như những kỹ năng học tập cơ bản khác”. Như vậy, song song với những môn học khác trong chương trình, môn TNXH cũng là môn học đóng góp một phần quan trọng vào việc hình thành cho học sinh (HS) những phẩm chất và NL được quy định trong CT GDPT 2018, bước đầu hình thành cho HS các NL khoa học mà những NL này theo suốt các em trong quá trình chiếm lĩnh tri thức trong cả môn TNXH và Khoa học ở tiểu học.

HS được hình thành những NL từ việc học môn TNXH như: NL nhận thức khoa học, NL tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Như vậy, NL vận dụng kiến thức kỹ năng đã học là một trong những thành phần NL đặc thù trong môn TNXH mà HS cần phải đạt được. Phát triển NL này đóng vai trò quan trọng trong dạy học môn TNXH, góp phần nâng cao

chất lượng dạy học môn TNXH trong chương trình. Tổ chức dạy học chủ đề “Trái đất và Bầu trời” trong chương trình môn TNXH lớp 2 không đơn thuần là nhiệm vụ giúp HS nhận thức về khoa học tự nhiên mà còn phát triển NL tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh liên quan đến chủ đề. Thông qua đó HS chủ động tiếp nhận kiến thức, nâng cao NL về VDKTKN đã học giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống.

Bài báo trình bày một số kết quả nghiên cứu về xây dựng bài tập phát triển NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cho HS trong KHBD dạy học môn TNXH lớp 2;

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm NL

NL là một phẩm chất tâm lý phức tạp, được hình thành từ sự kết hợp của nhiều yếu tố như tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm. Trong lĩnh vực giáo dục, NL được hiểu là sự kết hợp hài hòa giữa tri thức, kỹ năng, thái độ và cảm xúc. Đây là mục tiêu cốt lõi mà giáo dục hướng đến, giúp HS phát triển toàn diện và sẵn sàng cho tương lai.

Từ những dấu hiệu bản chất trên, quá trình dạy học hình thành, phát triển NL cho HS tất yếu phải đưa cá nhân HS tham gia vào các hoạt động học tập, giáo dục. Chính vì vậy, Chương trình GDPT tổng

thể năm 2018 đã nêu rõ: “NL là thuộc tính cá nhân được hình thành phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những sự kiện cụ thể. Trong đó, NL cốt lõi là NL cơ bản, thiết yếu mà bất kì ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả” [1]

Khái niệm NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, vận dụng nghĩa là dùng tri thức, lí luận vào thực tiễn. Còn nhóm tác giả Nguyễn Thị Tuyết Mai và Phan Thị Thanh Hội đã cho rằng: “Vận dụng kiến thức, kỹ năng là mức độ nhận thức cao nhất của con người, quá trình này vừa giúp HS củng cố, nâng cao kiến thức vừa góp phần rèn luyện kỹ năng học tập và kỹ năng sống. Thông qua vận dụng kiến thức vào thực tiễn thúc đẩy gắn kết kiến thức trong nhà trường với thực tiễn đời sống”. [2]

Bên cạnh đó, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học là “khả năng chủ thể phát hiện được vấn đề thực tiễn, huy động được các kiến thức liên quan hoặc tìm tòi, khám phá các kiến thức nhằm thực hiện giải quyết các vấn đề thực tiễn đạt hiệu quả” được nhóm tác giả Phan Thị Thanh Hội và Nguyễn Thị Thu Hằng nhận định. Tác giả Lê Thanh Huy và cộng sự thì cho rằng: “NL vận dụng kiến thức là khả năng của bản thân người học tự giải quyết những vấn đề đặt ra một cách nhanh chóng và hiệu quả bằng cách áp dụng kiến thức đã lĩnh hội vào những tình huống, những hoạt động thực tiễn để tìm hiểu thế giới xung quanh và có khả năng biến đổi nó”.

Theo một số quan niệm khác, NL VDKTKN là khả năng của bản thân người học tự giải quyết những vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả. Khả năng này được thể hiện thông qua việc vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn để tìm hiểu thế giới xung quanh và ứng phó với những thay đổi. NL VDKTKN còn là phẩm chất, nhân cách của con người trong quá trình hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu học hỏi và phát triển. [3]

Từ những quan niệm trên, có thể hiểu NL VDKTKN đã học là khả năng người học kết hợp linh hoạt kiến thức, kỹ năng đã được lĩnh hội để giải quyết các tình huống có thực trong cuộc sống một cách hiệu quả. NL VDKTKN đã học trong môn Khoa học là giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh, tình huống mới, gắn với thực tế cuộc sống, vừa sức

với học sinh, tạo cơ hội cho HS liên hệ, vận dụng phối hợp kiến thức, kỹ năng đã học từ các lĩnh vực khác nhau.

Yêu cầu cần đạt về NL VDKTKN đã học trong môn TNXH

Theo CT GDPT môn TNXH được ban hành, những biểu hiện về yêu cầu cần đạt của NL VDKTKN trong môn TNXH lớp 2 được trình bày như sau: [1]

- “Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh”.

- “Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khỏe của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh”.

- “Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống”.

Như vậy, môn TNXH ở tiểu học vừa có nhiệm vụ góp phần vào việc phát triển NL chung được quy định trong Chương trình tổng thể, vừa có nhiệm vụ hình thành và phát triển các NL đặc thù của môn học, trong đó có NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Vai trò của việc phát triển NL VDKTKN đã học cho HS trong dạy học môn TNXH lớp 2

NL VDKTKN đã học có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển toàn diện HS cả về tri thức, kỹ năng, thái độ, hành vi và tình cảm. Để vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế, HS cần phát huy cao độ, tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình tiếp thu và chiếm lĩnh tri thức.

Phát triển NL VDKTKN đã học, giúp HS lớp 2 có thể giải thích được cơ chế diễn ra một số hiện tượng trong tự nhiên như nước, không khí, ánh sáng, âm thanh, trái đất và bầu trời; giải thích được một số đặc điểm và một số mối quan hệ trong tự nhiên của thế giới sinh vật và của con người như đặc điểm của nước, không khí, thực vật, động vật và mối quan hệ giữa môi trường và nhu cầu sống của con người, của thực vật, động vật; mối quan hệ giữa thực vật, động vật trong chuỗi thức ăn, các hiện tượng thiên nhiên, thời tiết hay thiên tai...

Phát triển NL VDKTKN đã học còn giúp HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong cuộc sống như thiên tai, luyện tập được cách thức ứng phó, giảm nhẹ rủi ro do thiên tai gây ra ở địa phương và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện,...

Kết quả nghiên cứu

Một số kiến thức tổ chức dạy học phát triển NL VDKTKN đã học trong chủ đề “Trái đất và Bầu trời”
(Minh họa qua bài học: Các mùa trong năm thuộc chủ đề)

Bài học	Kiến thức để tổ chức dạy học phát triển NL VDKTKN
Các mùa trong năm	<p>- V1: Giải thích ở mức độ đơn giản về đặc điểm các mùa trong năm, mối quan hệ giữa đặc điểm các mùa với tự nhiên và xã hội xung quanh, mối quan hệ giữa đặc điểm các mùa với trang phục sử dụng theo mùa.</p> <p>- V2: Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề sức khỏe của bản thân, người khác đối với từng mùa trong năm và các lựa chọn trang phục phù hợp.</p> <p>- V3: Giải quyết được vấn đề về cách bảo vệ sức khỏe theo mùa, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống.</p>

KHBD bài Các mùa trong năm thuộc chủ đề “Trái đất và Bầu trời”

Bài 28: CÁC MÙA TRONG NĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kỹ năng

- Nêu tên và đặc điểm (thời tiết, cảnh vật) của các mùa trong năm ở nước ta.
- Nêu cách lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa và nêu lợi ích của việc chọn đúng trang phục với thời tiết.

2. NL

NL đặc thù về Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học
V1: Lựa chọn đúng tên mùa và giải thích được vì sao cảnh vật trong tranh ảnh tương ứng với mùa đó.

V2: Vận dụng xác định được nơi mình đang sống có thời tiết diễn ra chủ yếu theo mùa nào và nêu đặc điểm cụ thể.

V3: Trao đổi với bạn bè và người thân về cách lựa chọn trang phục phù hợp với tình huống cho sẵn.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình cảm bạn bè, tình yêu thiên nhiên.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Phiếu bài tập phục vụ thảo luận nhóm.
2. Học sinh: Sách giáo khoa. Các phiếu bài tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>*HD 1. KHỞI ĐỘNG</p> <p>- GV cho HS hát và vận động theo bài hát “Đón Mùa Hè Vui”.</p> <p>- GV tổ chức cho HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi theo hiểu biết cá nhân mỗi em, khuyến khích nhiều đáp án khác nhau:</p> <p>+ Bài hát nói về mùa gì?</p> <p>+ Mùa hè có những đặc điểm nhân dân gì em biết?</p> <p>+ Ngoài mùa hè ra, em còn biết trong năm có những mùa nào nữa?</p> <p>- GV kết nối vào bài mới: Để biết thêm về các mùa trong năm có trở chúng ta cùng tìm hiểu qua bài: Các mùa trong năm.</p>	<p>- HS thực hiện nhiệm vụ và ghi nhớ nhanh những sự vật và đặc điểm được nhắc đến trong bài hát.</p> <p>+ Bài hát nói về mùa hè</p> <p>+ HS trả lời theo lời bài hát đã nghe</p> <p>+ HS nêu theo hiểu biết cá nhân</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

*HD 2. KHÁM PHÁ	
<p>a. Tìm hiểu các mùa</p> <p>- GV cho HS quan sát tranh và thảo luận trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Cảnh vật trong mỗi hình là mùa nào trong năm? Vì sao?</p> <p>+ Yêu cầu HS hoàn thành bảng sau theo gợi ý:</p> <p>+ GV mời các nhóm trình bày. Tổ chức cho cả lớp nhận xét, chia sẻ thêm.</p> <p>b. Tìm hiểu các mùa</p> <p>+ Hình nào thể hiện mùa mưa? Vì sao em biết?</p> <p>+ Hình nào thể hiện mùa khô? Vì sao em biết?</p> <p>+ Hãy nêu đặc điểm của mùa mưa và mùa khô.</p> <p>- Mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét chung, kết luận.</p> <p>b. Trang phục theo mùa</p> <p>- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:</p> <p>+ GV nhận xét chung, kết luận.</p> <p>c. GV treo tranh, yêu cầu hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Nội hình ứng với mùa nào?</p> <p>+ Các bạn mặc trang phục gì?</p> <p>+ Lợi ích của việc mặc đúng trang phục theo mùa?</p> <p>+ Các bạn của nhóm trình bày.</p> <p>+ GV nhận xét, kết luận.</p>	<p>- HS thảo luận.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi quan sát tranh và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Hình 1 là mùa xuân. Vì cây cối đâm chồi nảy lộc, sức, bướm bay dập dờn.</p> <p>+ Hình 2 là mùa hè. Vì có hai bạn nhỏ đang chơi trên bãi biển.</p> <p>+ Hình 3 là mùa thu. Vì có lá cây rụng.</p> <p>+ Hình 4 là mùa đông. Vì có gió và tuyết rơi.</p> <p>- Đại diện 1 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>+ Hình 5 là mùa mưa vì trời đang mưa rất to.</p> <p>+ Hình 6 là mùa khô vì trời nắng gắt và bác đang phải tưới tiêu.</p> <p>+ Mùa mưa: mưa nhiều, mát mẻ, mùa ít, nóng bức.</p> <p>- Hoạt động nhóm đôi quan sát tranh và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Hình 1 các bạn mặc trang phục không quá dày, nhẹ nhưng phù hợp với tiết trời mùa xuân.</p> <p>+ Hình 2 là mùa hè. Vì có hai bạn nhỏ đang chơi trên bãi biển.</p> <p>+ Hình 3 là mùa thu. Vì có lá cây rụng.</p> <p>+ Hình 4 là mùa đông. Vì trời đang tuyết rơi.</p> <p>+ Hình 5 là mùa mưa vì trời đang mưa rất to.</p> <p>+ Hình 6 là mùa khô vì trời nắng gắt và bác đang phải tưới tiêu.</p> <p>- Hoạt động nhóm đôi quan sát tranh và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Hình 1 các bạn mặc trang phục không quá dày, nhẹ nhưng phù hợp với tiết trời mùa xuân.</p> <p>+ Hình 2 là mùa hè. Vì có hai bạn nhỏ đang chơi trên bãi biển.</p> <p>+ Hình 3 là mùa thu. Vì có lá cây rụng.</p> <p>+ Hình 4 là mùa đông. Vì trời đang tuyết rơi.</p> <p>+ Hình 5 là mùa mưa vì trời đang mưa rất to.</p> <p>+ Hình 6 là mùa khô vì trời nắng gắt và bác đang phải tưới tiêu.</p>

*HD 3. THỰC HÀNH	
<p>- GV nêu câu hỏi, yêu cầu hs trả lời:</p> <p>+ Nơi em đang sống có các mùa nào?</p> <p>+ Nêu đặc điểm thời tiết của mùa đó?</p> <p>+ GV nhận xét.</p> <p>- Gọi HS đọc lời chú: Trên Trái Đất, có những vùng đất trải qua bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông đầy đủ, nhưng cũng có những nơi chỉ có hai mùa Mưa và Khô đối lập.</p> <p>- GV treo tranh yêu cầu hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Cảnh vật trong từng hình thể hiện mùa nào?</p> <p>+ Các bạn nhỏ mặc trang phục đã phù hợp chưa? Vì sao?</p> <p>+ Điều gì có thể xảy ra với các bạn mặc trang phục không phù hợp với thời tiết?</p> <p>+ Yêu cầu hs chia sẻ trước lớp</p> <p>- GV kết luận:</p> <p>➢ GV giáo dục hs lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết để đảm bảo sức khỏe.</p>	<p>- HS trả lời:</p> <p>+ Nơi em đang sống có hai mùa: mưa và khô.</p> <p>+ Mùa mưa thì có những cơn mưa rào bất chợt. Mùa khô thì nắng nóng.</p> <p>- Hoạt động nhóm 4 quan sát tranh và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Hình 1: Mùa đông. Bạn mặc áo phông phan trong thời tiết lạnh. Có thể sẽ dễ bị cảm lạnh.</p> <p>+ Hình 2: Mùa thu. Bạn mặc quần áo dài tay trong tiết trời se lạnh.</p> <p>+ Hình 3: bạn luôn mang áo mưa trong cặp và mùa mưa.</p> <p>+ Hình 4: Mùa hè. bạn nam mặc quần áo ngắn dưới ánh nắng gắt dễ gây tổn thương da.</p> <p>- Lắng nghe</p>

*HD 4. VẬN DỤNG	
<p>- Em hãy kể tên các hoạt động thường diễn ra ở mỗi mùa.</p> <p>- Em đã tham gia các hoạt động nào trong các hoạt động trên? Ở mỗi mùa em còn tham gia hoạt động nào khác nữa?</p> <p>- Hoạt động nào em thích nhất?</p> <p>- GV đưa ra 2 tình huống thực tế cho các nhóm lựa chọn cách để giải quyết:</p> <p>+ Vào mùa đông, trước khi đi học, bố hỏi Mai về việc cần chuẩn bị quần áo và đồ dùng học tập như thế nào?</p> <p>+ Vào dịp hè, An sẽ được đi Nha Trang chơi. Nếu là An, em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?</p> <p>- Gọi ý: Các nhóm được lựa chọn hình thức chia sẻ: thuyết trình hoặc đóng vai theo tình huống.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Nhận xét về cuối bài học: Mỗi mùa có đặc điểm khác nhau. Cần lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa để cơ thể khỏe mạnh.</p> <p>*HD 5. TIẾP NỐI</p> <p>- GV yêu cầu học sinh làm bài tập trong Phiếu bài tập theo 3 mức độ của TT 27</p>	<p>- Một số HS kể:</p> <p>+ Mùa xuân: chuẩn bị đón tết</p> <p>+ Mùa hè: tắm biển, cắm trại</p> <p>+ Mùa thu: Đón tết trung thu</p> <p>+ Mùa đông: lễ Noel</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ Tình huống 1: Vào mùa đông, em sẽ chuẩn bị quần áo ấm, tất chân gang tay, mũ len, áo mưa hoặc ô, bình nước ấm khi đi học. (nếu đi học, lịch của trang phục)</p> <p>+ Tình huống 2: Vào dịp hè, An sẽ được đi Nha Trang chơi. Nếu là An, em sẽ lựa chọn trang phục: quần đùi, áo ba lỗ, kính bơi để tắm biển, mũ, giày thể thao để đi tham quan khám phá, ...</p>

*HD 5. TIẾP NỐI	
<p>- GV yêu cầu học sinh làm bài tập trong Phiếu bài tập theo 3 mức độ của TT 27</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, làm bài trong phiếu học tập</p> <p>- HS tiếp tục tìm kiếm thông tin, phân phối về bài học, tự tìm hiểu mở rộng thêm về kiến thức của bài học.</p>

Thiết kế bài tập phát triển NL VDKTKN đã học qua bài “Các mùa trong năm”

*YCCD 1: Nêu tên và đặc điểm (thời tiết, cảnh vật) của các mùa trong năm ở nước ta.

Mức A: Quan sát các hình sau rồi cho biết cảnh vật trong mỗi hình là mùa nào trong năm?



NL VDKTKN đã học: V2: Phân tích được cảnh vật từng mùa thông qua tranh ảnh.

- Đáp án:
- Hình 1: hoa đua nở, ong bướm bay lượn, cây cối đâm chồi,...: mùa Xuân
 - Hình 2: mặt trời chiếu những ánh nắng gắt, mọi

người đi tắm biển giải nhiệt,...: mùa Hạ

- Hình 3: bầu trời trong xanh, cây cối thay lá, chuyển từ xanh sang vàng,...: mùa Thu

- Hình 4: trời phủ tuyết, băng giá, gió thổi,...: mùa Đông

Mức B: **Nêu đặc điểm cơ bản mỗi mùa: xuân, hè, thu, đông bằng một từ ngữ. Chọn các cụm từ cho sẵn chỉ hoạt động thường diễn ra vào từng mùa để hoàn thành bảng sau:**

Viết các số đứng trước các cụm từ cho sẵn chỉ hoạt động thường diễn ra vào từng mùa cho phù hợp.

- Tổng cây
- Quyên góp/áo ấm giữ các bạn vùng cao
- Đón ngày Quốc tế Thiếu nhi
- Đón Tết Trung thu
- Đón Tết cổ truyền
- Nghỉ học khi trời lạnh dưới 10 độ C
- Nghỉ hè
- Khởi giảng năm học mới

Mùa xuân	Mùa hè	Mùa thu	Mùa đông

NL VDKTKN đã học: V2: Phân tích được đặc điểm cơ bản của các mùa: xuân, hè, thu, đông. V1: Chỉ ra được các hoạt động đặc trưng theo mùa dựa trên đặc điểm.

Đáp án:

	Mùa Xuân	Mùa Hạ	Mùa Thu	Mùa Đông
Đặc điểm	ấm áp	nóng bức	mát mẻ	lạnh giá
Hoạt động	- 1 - 5	- 3 - 7	- 4 - 8	- 2

Mức C: **Dựa vào các tranh dưới đây, hãy thực hiện các yêu cầu sau: a) Nơi Lan và Minh ở có những mùa nào?**

b) **Nêu đặc điểm khác nhau giữa các mùa nơi Lan đang ở. c) Theo em, Lan nên khuyên Minh giữ gìn sức khỏe như thế nào cho phù hợp với mùa đó.**

NL VDKTKN đã học: V2: Phân tích hình ảnh để chỉ ra các mùa nơi Lan, Minh đang ở. V1: Nêu được sự khác nhau về đặc điểm giữa các mùa. V3: Đưa ra lời khuyên trong tình huống nhằm bảo vệ sức khỏe theo mùa.

Đáp án:

a) Lan ở Trà Vinh, nơi có hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Minh ở Hà Nội, nơi có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

b) Mùa mưa: mưa, gió, sấm chớp, mây đen, bầu trời xám xịt, cây cối xanh tươi... Mùa khô: nắng gắt, đứng gió, cây cối khô cằn, đất đai nứt nẻ,...

c) Lời khuyên của Lan dành cho Minh: Cần giữ ấm cơ thể bằng trang phục phù hợp, uống và tắm nước ấm, không ra ngoài khi nhiệt độ ngoài trời quá lạnh.

***YCCĐ 2: Lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa và nêu lợi ích của việc chọn đúng trang phục với thời tiết.**

Mức A: **Hãy lựa chọn trang phục trong các hình dưới đây cho phù hợp với từng mùa: xuân, hè, thu, đông.**



NL VDKTKN đã học: V2: Phân tích và lựa chọn được trang phục phù hợp với từng mùa.

Đáp án: Mùa xuân: mặc quần áo đẹp, hợp thời trang vì thời tiết ấm áp; Mùa hè: mặc quần áo ngắn, mát mẻ, nhẹ nhàng để hoạt động; Mùa thu: mặc quần áo dài tay để tránh gió; Mùa đông: mặc thêm áo ấm, khăn choàng cổ để tránh rét.

Mức B: **Các bạn trong mỗi hình đã mặc trang phục phù hợp với từng mùa chưa? Vì sao?**



NL VDKTKN đã học: V2: Nhận xét cách mặc trang phục phù hợp với từng mùa, nêu cách lựa chọn phù hợp; V1: Giải thích mối quan hệ giữa trang phục và mùa phù hợp.

Đáp án: - Hình 1: lựa chọn trang phục phù hợp vì thời tiết ấm áp, mùa xuân. - Hình 2: lựa chọn trang phục chưa phù hợp vì thời tiết nắng nóng, cần có mũ đội tránh nắng. - Hình 3: lựa chọn trang phục chưa phù hợp vì thời tiết đang lạnh, mùa đông, cần có áo khoác, khăn choàng cổ để giữ ấm. - Hình 4: lựa chọn trang phục phù hợp vì trời mưa.

Mức C: **Vào dịp Tết Nguyên đán, bạn An sẽ được đi chơi Hà Nội. Nếu là An. Em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào cho phù hợp? Giải thích vì sao em lại lựa chọn như vậy? Nêu lợi ích của việc lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa.**

NL VDKTKN đã học: V3: Đưa ra cách giải quyết phù hợp với tình huống về lựa chọn trang phục phù hợp. V1: Giải thích lí do lựa chọn trang phục đó. V2: Phân tích lợi ích của việc lựa chọn trang phục phù hợp với mùa.

Đáp án: - Phân tích: Vào dịp Tết nguyên đán thì thời tiết sẽ là mùa xuân. Hà Nội mùa này sẽ ấm áp ban ngày, ban đêm hơi se se lạnh. - Trang phục An cần mang theo là: áo sơ mi, áo thun, quần dài, quần jean, giày thể thao, tất, áo khoác mỏng,... - Lợi ích của việc lựa chọn trang phục mặc theo mùa: để bảo vệ sức khỏe.

(Xem tiếp trang 128)

“tiền giả định” là hoạt động quan trọng do giảng viên thực hiện.

Thứ ba, khi xây dựng các đoạn hội thoại mẫu, cần đảm bảo các yếu tố: 1) các đoạn hội thoại có nội dung xoay quanh chủ đề bài học; 2) các đoạn hội thoại phải bám sát những tình huống giao tiếp trong thực tế; 3) các đoạn hội thoại phải đảm bảo những đặc trưng trong VH giao tiếp của người Việt.

3. Kết luận

Một vấn đề đặt ra đối với việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là khi tiếp thu các kiến thức về tiếng Việt, người học không chỉ gặp trở ngại do sự khác biệt giữa “ngôn ngữ nguồn” và “ngôn ngữ đích” liên quan đến vấn đề ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... mà còn do đặc trưng VH tiềm ẩn trong ngôn ngữ. Nhận thấy tầm quan trọng của các “tiền giả định VH” cũng như sự không thể thiếu của những “chú giải VH” trong các tài liệu giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, chúng tôi đã đề xuất một vài biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện giáo trình theo hướng phù hợp hơn với người học, hỗ trợ cho người học trong việc hội nhập VH và phát triển các kỹ năng tiếng Việt.

Trong bối cảnh “*học một ngôn ngữ là học một nền VH*” ngày càng được chứng minh là một hướng đào tạo ngoại ngữ đúng đắn trong xu thế hội nhập toàn cầu hiện nay, chúng tôi nghĩ rằng hoạt động dạy và học tiếng Việt cần phải được tích hợp với việc truyền tải những kiến thức nền tảng về VH – xã hội Việt Nam. Chúng tôi mong rằng những đề xuất trên có thể giúp ích cho công tác giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài của cơ sở giáo dục đạt được những mục tiêu và yêu cầu đào tạo đã đề ra.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu, Đại cương ngôn ngữ học (Tập 2: Ngữ dụng học), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007
- [2] Đặng Vân Chi, *Bước đầu tìm hiểu về đặc trưng VH duy tình qua ngôn ngữ giao tiếp của người Việt*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Tiếng Việt và VH Việt Nam cho người nước ngoài”, Đại học quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001
- [3] Nguyễn Văn Huệ chủ biên, *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài = Vietnamese as a second language (tập 1)*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, TP.HCM, 2008

Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng...(tiếp theo trang 113)

Thực nghiệm sư phạm

Thông qua thực nghiệm cho thấy, các KHBD và bài tập của mỗi bài học được biên soạn để phát triển NL VDKTKN đã học cho HS trong dạy học môn TNXH lớp 2 trong chủ đề Trái đất và Bầu trời là có tính khả thi. Các KHBD và bài tập vận dụng có thể thực hiện ở mọi đối tượng HS và trong các hoàn cảnh, điều kiện nếu vận dụng linh hoạt và phù hợp thì mang lại hiệu quả, vừa phát triển, nâng cao được NL VDKTKN đã học, vừa khắc sâu được kiến thức, đồng thời mở rộng kiến thức thực tế, rèn luyện được các kỹ năng cơ bản, qua đó cũng hình thành và phát triển được phẩm chất của HS.

3. Kết luận

NL VDKTKN đã học là một trong ba thành tố của NL khoa học của môn TNXH và cũng là một trong những NL cốt lõi của con người trong xã hội hiện đại. Việc phát triển NL này cho HS là việc làm cần thiết đáp ứng yêu cầu của CT GDPT 2018 mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra. Do đó, người GV Tiểu học cần chú trọng việc dạy học phát triển NL VDKTKN cho người học, thiết kế các hoạt động và tổ chức dạy học nội dung gắn liền với thực tiễn. Bài báo trình bày tiến trình dạy học và thiết kế bài tập nhằm giúp HS hình thành và phát triển NL VDKTKN đã học trong

dạy học bài Các mùa trong năm, thuộc chủ đề “Trái đất và Bầu trời” môn TNXH lớp 2. Thông qua đó, HS sẽ huy động kiến thức, kỹ năng đã học vận dụng giải quyết các bài tập thực tiễn đời sống rút ra được kinh nghiệm, kiến thức cũng như phát triển NL khoa học cho chính mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình GDPT môn Tự nhiên và Xã hội*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Phan Thị Thanh Hội, Nguyễn Thị Tuyết Mai (2017), *Rèn luyện cho học sinh kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn Sinh học 11*, Tạp chí Giáo dục, (số 441), tr. 37-40.
- [3] Nguyễn Bảo Hoàng Thanh, Nguyễn Thị Thanh Tâm, (2022), *Xây dựng và sử dụng bài tập phát triển NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong dạy học môn khoa học lớp 5*, Tạp chí Giáo dục, (số 7), tr 14-18.
- [4] Lê Vũ Thị Ánh Tín (2022), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn TN&XH lớp 2 theo hướng phát triển NL nhận thức khoa học cho học sinh*, Luận văn Thạc sĩ ĐHQSP - ĐHQĐN, Đà Nẵng.
- [5] Nguyễn Quang Uân (2007), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.